TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày: 18/10/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Vinh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông **Nguyễn Văn Ngư**
2/. Ông **Lâm Ngọc Hà**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Bà Lưu Thị Thúy Vy**, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hường** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2019/TLST- DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc "***Tranh chấp đòi tài sản***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Ông **Hồ Văn N**, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đi, xã H, huyện C, tỉnh S.
2. ***Bị đơn***: Ông **Lê Văn O**, sinh năm 1964 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh Đ, xã H, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019; biên bản hòa giải ngày 21/8/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hồ Văn N trình bày:

Vào ngày 13/4/2017 (âm lịch) ông N có cho ông O vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5% tháng, thời gian vay là 03 tháng, ông O có làm biên nhận, từ khi vay đến nay ông O trả lãi được 01 tháng với số tiền: 1.000.000đ, vốn thì chưa trả.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông O trả số tiền vốn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2019; biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Văn O trình bày: Ông O thừa nhận vào ngày 13/4/2017 có vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của ông N, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, thời gian vay là 03 tháng, có làm biên nhận cho ông N, từ khi vay đến nay trả lãi được 01 tháng với số tiền: 1.000.000đ, vốn thì chưa trả, mục đích vay để cho bạn ông tên Kim Ơn mượn lại.

Nay ông O đồng ý trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông N thành 04 vụ lúa, mỗi vụ trả 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác đinh quan hệ tranh chấp: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật trên là "Tranh chấp đòi tài sản", nhưng qua xem xét chứng cứ có trong hồ sơ và được ông N, ông O thừa nhận số tiền 20.000.000đ là vay, có thỏa thuận lãi suất, đã nộp lãi 1.000.000đ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ kiện trên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mới phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

[3] Nội dung đơn ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông O trả số tiền vay: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 13/5/2017 đến ngày 05/6/2019 là 3.400.000đ . Hội đồng xét xử thấy rằng ông O thừa nhận ngày 13/4/2017 có vay của ông N số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để cho bạn ông tên Kim Ơn mượn lại, đến nay vẫn chưa trả vốn vay: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cho ông N. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2019; cũng như tai phiên Tòa hôm nay ông cũng không yêu cầu Tòa án đưa ông Ơn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và ông cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết của người nhận tiền ngày 13/4/2017 là của ông O. Do đó trên đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của BLTTDS. Xét thấy, yêu cầu của ông Hồ Văn N là có cơ sở chấp nhận.

Còn tại phiên Tòa hôm nay, ông N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể là không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của NĐ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận thay đổi yêu cầu của ông N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Lê Văn O phải trả cho nguyên đơn Hồ Văn N số tiền vay 20.000.000 đồng.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Hồ Văn N là có căn cứ chấp nhận. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 351; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự, buộc ông Lê Văn O có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn N số tiền vốn vay là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là có căn cứ.

Về án phí: Ông Lê Văn O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92, Khoản 1 Điều 244; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 351; Điều 463; khoản 1,5 Điều 466; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Hồ Văn N kiện ông Lê Văn O về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Văn O phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hồ Văn N số tiền: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Về án phí: Ông Lê Văn O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.000.000đ (Một triệu đồng)

Ông Hồ Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 585.000 (Năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số: 0008810 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Hồ Văn N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Văn O còn phải trả lãi cho ông Hồ Văn N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sư năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện CT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Vinh